

Working Paper 2024.2.4.8
- Vol 2, No 4

NGHIÊN CỨU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH XANH HÓA TRONG CHUỖI CUNG ỨNG - ĐỀ XUẤT CHO NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

**Bùi Hồng Giang¹, Mai Hồng Ngọc, Nguyễn Thanh Hải, Trần Khánh Thương,
Trần Thị Mai Đan**

Sinh viên K60 Kinh tế đối ngoại - Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Bình

Giảng viên Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Mặc dù là một trong những ngành kinh tế chủ chốt của nước nhà, những hạn chế trong việc đáp ứng tiêu chuẩn xanh hóa những năm gần đây cản trở lớn thị trường dệt may Việt Nam cạnh tranh với các nước khác. Bên cạnh việc đưa ra những giải pháp tức thời như mở rộng thị trường hay tập trung xuất khẩu sang các nước có đơn hàng cao, ngành dệt may vẫn rất cần những "chìa khóa bền vững" để tháo gỡ những khúc mắc hiện tại, từ đó tái sinh và thỏa mãn được yêu cầu mà thị trường quốc tế đề ra. Hiện nay, xanh hoá chuỗi cung ứng vẫn là xu thế tất yếu và lâu bền mà ngành dệt may Việt Nam hướng tới. Biện pháp quản lý chuỗi cung ứng xanh (GSCM) ra đời kết hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đã trở thành một cách tiếp cận thực tế để phát triển hiệu quả môi trường. Mục tiêu lớn nhất của GSCM chính là giúp giảm thiểu tối đa ảnh hưởng môi trường trong quá trình cung ứng sản phẩm. Tuy nhiên, để đánh giá được hoạt động này, các nhà quản lý chuỗi cung ứng cần kết hợp hài hoà với các tiêu chí khác như kinh tế, mối quan hệ với khách hàng hay khả năng sản xuất. Không chỉ nghiên cứu về việc xanh hóa chuỗi cung ứng, việc xác định các tiêu chí đánh giá mức độ thực hành xanh hóa trong ngành dệt may là vô cùng quan trọng. Bài viết này phân tích và đưa ra một số đề xuất cho bộ tiêu chí đánh giá mức độ xanh hoá trong chuỗi cung ứng của ngành dệt may Việt Nam.

Từ khóa: xanh hóa chuỗi cung ứng, tiêu chí đánh giá mức độ xanh hoá trong chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng dệt may Việt Nam

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2114110081@ftu.edu.vn

STUDYING CRITERIA FOR ASSESSING THE LEVEL OF GREEN PRACTICES IN THE SUPPLY CHAIN SUGGESTIONS FOR VIETNAM'S TEXTILE AND GARMENT INDUSTRY

Abstract

Although it is one of the country's key economic sectors, limitations in meeting greening standards in recent years have greatly hindered Vietnam's textile and garment market from competing with other countries. Besides offering immediate solutions such as expanding markets or focusing on exporting to countries with high orders, the textile and garment industry still needs "sustainable keys" to solve current problems, thereby regenerating and satisfying the requirements set by the international market. Currently, greening the supply chain is still an inevitable and lasting trend that Vietnam's textile and garment industry is aiming for. Supply chain management measures Green Response (GSCM) was born in conjunction with an enterprise's business strategy and has become a practical approach to developing environmental efficiency. The biggest goal of GSCM is to help minimize environmental impact. However, to evaluate this activity, supply chain managers need to combine it harmoniously with other criteria such as economics, customer relationships or capabilities. Not only does research on greening the supply chain, it is extremely important to determine criteria to evaluate the level of greening practices in the textile industry. This article analyzes and makes some proposals for a set of criteria to evaluate the level of greening in the supply chain of Vietnam's textile and garment industry.

Keywords: greening the supply chain, criteria for evaluating the level of greening in the supply chain, supply chain of Vietnam's textile and garment industry

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển của thế giới ngày nay, các yếu tố như sự khan hiếm tài nguyên thiên nhiên và tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng đã làm dấy lên cuộc tranh luận về sự cần thiết phải quản lý môi trường trong hoạt động công nghiệp. Áp lực từ cộng đồng, sự cạnh tranh giữa các đối thủ, người tiêu dùng đã làm nảy sinh các quy định và sự can thiệp của chính phủ, tạo ra các chiến lược kinh doanh và công nghiệp mới liên quan đến mối quan hệ giữa sản xuất và môi trường. Áp lực thị trường cũng như các quy định đã trở thành công cụ có thể ảnh hưởng đến các quyết định trong ngành trong việc nỗ lực và đầu tư để cải thiện hiệu quả sinh thái hoặc hoạt động môi trường của họ.

Điều này đã khiến các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp Quản lý chuỗi cung ứng xanh (GSCM) kết hợp chúng vào chiến lược kinh doanh của họ. Một số chương trình trở nên phổ biến hơn để thực hiện nhận thức về môi trường, bao gồm quản lý môi trường chất lượng tổng thể, tiêu chuẩn ISO 14000 và quản lý chuỗi cung ứng xanh. Giảm ô nhiễm môi trường từ thượng nguồn đến hạ nguồn trong quá trình thu mua nguyên liệu thô, sản xuất, phân phối, bán sản phẩm và khấu hao sản phẩm là mục tiêu quan trọng nhất của GSCM.

Các nghiên cứu trước đây đã chứng minh rằng hệ thống quản lý môi trường (EMS) có thể tác động tích cực đến hoạt động môi trường. Phát triển các thực hành GSCM trong bối cảnh EMS có cấu trúc, tốt nhất là được cơ quan bên thứ ba chứng nhận, có thể đặc biệt hiệu quả trong việc cải thiện hiệu quả hoạt động môi trường. Nếu một công ty đã vận hành EMS thì việc

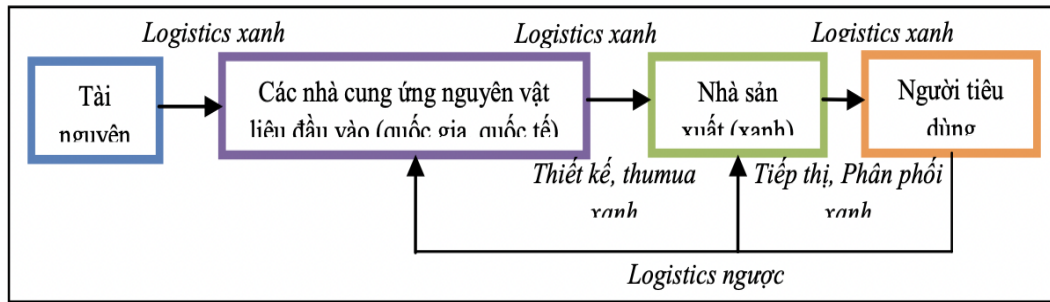
mở rộng các hoạt động vượt ra ngoài ranh giới của họ và sử dụng các biện pháp GSCM để giảm thiểu tác động môi trường trong chuỗi cung ứng có thể dễ dàng hơn.

Các nhà quản lý chuỗi cung ứng có thể giảm thiểu tác động môi trường của sản phẩm dựa trên một số tiêu chí môi trường liên quan hài hòa giữa kinh tế, giá trị khách hàng, khả năng sản xuất và các yếu tố khác. Ngoài ra, mối quan hệ giữa người mua và nhà cung cấp đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề môi trường. Mối quan tâm thứ ba là các công ty nên thay đổi các phương pháp thực hiện môi trường của mình để kết hợp các mối quan tâm về môi trường của các nguồn bên ngoài. Vì vậy, cần phải phân tích hệ thống để tích hợp quản lý môi trường với việc xanh hóa chuỗi cung ứng. Người quản lý nguồn cung cấp phải xem xét toàn bộ tác động môi trường của sản phẩm trong toàn bộ vòng đời của nó, bao gồm nguyên liệu thô, quy trình sản xuất/lắp ráp, phân phối, sử dụng và thải bỏ. Các tác động môi trường bao gồm ô nhiễm vật chất, năng lượng, không khí, nước và chất thải rắn. Nói cách khác, nếu các doanh nghiệp muốn tồn tại trên thị trường toàn cầu thì họ không thể bỏ qua các vấn đề môi trường, việc có thể đánh giá cụ thể và chi tiết mức độ thực hành xanh hóa của doanh nghiệp là vô cùng cấp thiết.

2. Tổng quan về các nghiên cứu tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa trong chuỗi cung ứng

Từ những năm 80s, khái niệm "chuỗi cung ứng" đã được hình thành và sử dụng nhằm thể hiện sự cấp thiết trong việc kết nối các quy trình kinh doanh quan trọng, từ nhà sản xuất ban đầu đến người tiêu dùng cuối cùng. Tuy nhiên, khái niệm "chuỗi cung ứng xanh" vẫn còn chưa được đề cập đến rộng rãi trong thời gian ấy. Theo Green, K., Morton, Barbara, and New Steve (1996), cung ứng xanh có thể được hiểu là phương thức theo hướng cải tiến trong quản trị chuỗi cung ứng và mua công nghiệp quan tâm đến môi trường. Cung ứng xanh có thể được định nghĩa là sự kết hợp của ba khía cạnh quan trọng: tăng cường nhận thức về tầm quan trọng chiến lược của quyết định mua hàng; chú trọng xây dựng mối quan hệ bền vững giữa người mua và người bán; ý thức được mối quan hệ giữa người mua và lợi ích môi trường. Nagel (2000) cho biết chuỗi quản lý cung ứng xanh bao gồm việc quản lý vòng đời của sản phẩm, từ sản xuất và tiêu thụ cho đến khi hết tuổi thọ của sản phẩm. Nguyễn Bình Minh (2016) trong bài “Chuỗi cung ứng xanh - giải pháp kinh doanh bền vững, thân thiện với môi trường” định nghĩa “Khi đưa thêm yếu tố “xanh” vào, khái niệm chuỗi cung ứng xanh được định nghĩa là một phương thức nhằm tối thiểu hóa tác động môi trường của một sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm tất cả các giai đoạn trong vòng đời của một sản phẩm từ tìm kiếm nguyên liệu, thiết kế, sản xuất và phân phối cho đến khi sản phẩm tới người tiêu dùng cuối cùng và cách thức họ sử dụng sản phẩm đó”. Gilbert (2000) nhận định Quản lý chuỗi cung ứng xanh liên quan đến thực tiễn quản lý chuỗi cung ứng truyền thống tích hợp các tiêu chuẩn môi trường hay mối quan tâm vào các quyết định mua sắm có tổ chức và những mối quan hệ dài hạn với các nhà cung ứng.

Quản lý chuỗi cung ứng xanh gắn liền với quản trị các mắt xích của nó bao gồm thiết kế xanh (green design), vận hành xanh (green operation) gồm thu mua xanh, logistics đầu vào và đầu ra xanh, logistics ngược (reverse logistics), quản lý chất thải (waste management), và sản xuất xanh (green manufactures) (Guide và Srivastava, 1998; Srivastava, 2007).



Hình 1: Mô hình quản lý chuỗi cung ứng xanh

Nguồn: Sarkis (1999) và Bearing Point (2008)

Đi sâu vào phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hành xanh hóa, sự đa dạng của các nghiên cứu trước đó phản ánh các cách tiếp cận khác nhau về các tiêu chí đánh giá mức độ xanh hoá trong chuỗi cung ứng. Các tiêu chí được đưa ra hầu hết đều hướng tới mục tiêu chung là giúp các nhà quản trị có cái nhìn toàn diện hơn về các tiêu chuẩn để xanh hóa chuỗi cung ứng; từ đó có kế hoạch tốt hơn cho hoạt động phân phối nguồn lực cũng như triển khai các chương trình cải tiến và thực hành xanh hoá. Trên cơ sở này, doanh nghiệp sẽ nâng cao hiệu quả bền vững của tất cả các hoạt động trong chuỗi cung ứng.

Để thấy được sự đa dạng trong các tiêu chí đánh giá, bên dưới là bảng thu thập, tóm tắt nội dung chính các tiêu chí đánh giá của 7 nghiên cứu trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2022:

Bảng 1: Tổng hợp các nghiên cứu về tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
Tạ Văn Lợi (2022)	Thực hành xanh hóa chuỗi cung ứng thủy sản xuất khẩu tại Việt Nam	<p>Áp lực xanh hóa</p> <p>Định hướng môi trường của tổ chức</p> <p>Hoạt động thực hành</p> <p>Mức độ áp dụng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh</p>	<p>Chịu các áp lực đến từ quy định về môi trường của pháp luật, khách hàng, cộng đồng cũng như nhà cung cấp</p> <p>Nhân viên nhận thức được sự quan trọng của trách nhiệm môi trường</p> <p>Kêu gọi nhận thức về môi trường trong hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>Phối hợp các bộ phận trong tổ chức để nâng cao giá trị của trách nhiệm môi trường</p> <p>Thiết kế xanh, Hợp tác với khách hàng, Mua sắm xanh, Quản lý môi trường nội bộ, Phục hồi đầu tư</p> <p>Thực hiện đánh giá qua các tiêu chuẩn quốc tế như: ACCP, ASC (Aquaculture Stewaship Council), Global Gap, SQF (Safe Quality Food), BRC (British Retail Consortium), Chứng chỉ đánh bắt (catch certificate), Nhãn hiệu sinh thái Eco, ISO 14001, ...</p>
Sumeet Gandhi a, Sachin Kumar Mangla (Assistant Professor) b, Pradeep Kumar a, Dinesh Kumar a (2015)	Evaluating factors in implementation of successful green supply chain management using DEMATEL: A case study		<p>Các quy định và tiêu chuẩn của chính phủ, Cam kết quản lý hàng đầu, Chứng nhận môi trường, Toàn cầu hóa, Năng lực cạnh tranh, Yêu cầu của khách hàng, Vai trò của nhà cung cấp, Yếu tố tài chính, Xây dựng hình ảnh thương hiệu, Sự tham gia của nhân viên, Vai trò của các bên liên quan, tổ chức phi chính phủ và truyền thông, Chuyên môn kỹ thuật nhân sự, Áp dụng công nghệ và quy trình mới, Sự bền vững, Logistics ngược, Đào tạo nhà cung cấp và nhân viên</p>
M.A. Sellitto, M. Borchart, G.M.	GREENING THE SUPPLY CHAIN:	Chiến lược	<p>Xây dựng chiến lược xanh, Đo lường và kiểm soát hiệu suất, Hợp tác với các đối tác và sự thích ứng, Quản lý phức tạp và giao tiếp, Rào cản, Trình điều khiển</p>

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
Pereira, R.I. Silva (2016)	A MODEL FOR GREEN PERFORMANCE ASSESSMENT	Đổi mới Các hoạt động	Đổi mới trong quá trình, Thiết kế sinh thái, Sản phẩm xanh, Thị trường xanh Mua sắm xanh, Sản xuất xanh, Phân phối xanh, Logistics ngược, Xử lý, Giảm thiểu ô nhiễm
Nguyễn Thành Hiếu (2017)	Mối quan hệ giữa quản lý chuỗi cung ứng xanh và kết quả doanh nghiệp	Kết quả môi trường Kết quả kinh tế Kết quả hoạt động	Cải thiện tình trạng của môi trường doanh nghiệp, giảm khí thải, lượng nước thải, giảm tiêu thụ các chất độc hại, giảm tần suất tai nạn môi trường Giảm chi phí và cải thiện kết quả kinh tế thông qua loại bỏ các chất gây ảnh hưởng đến mức độ bền vững của môi trường. Làm tăng: thu nhập và phúc lợi của nhân viên, lợi nhuận của công ty, kết quả kinh tế của doanh nghiệp nói chung Sản xuất và cung cấp sản phẩm tới khách hàng với chất lượng cao hơn và ít thời gian hơn. Giảm số lượng tồn kho, phế phẩm Cải thiện năng suất, số lượng sản phẩm
NADINE KAFA, YASMINA HANI, ABEDERRAHMA N EL MHAMED I	Sustainability Performance Measurement for Green Supply Chain Management	Khía cạnh kinh tế	Chi phí môi trường <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí liên quan đến tuân thủ môi trường - Chi phí tái chế - Chi phí liên quan đến việc tiêu thụ năng lượng

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
(2013)			<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí xử lý - Chi phí mua sắm thân thiện với môi trường nguyên vật liệu <p>Chi phí chuỗi cung ứng truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí giao hàng - Chi phí hàng tồn kho - Chi phí chia sẻ thông tin - Chi phí đặt hàng <p>Chất lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ khiếu nại của khách hàng - Có sẵn bảo hành sản phẩm xanh - Phế liệu và làm lại - Giao hàng không đáng tin cậy <p>Linh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu linh hoạt - Giao hàng linh hoạt - Tính linh hoạt trong sản xuất <p>Khả năng đáp ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian sản xuất

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
			<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện mua hàng - Chuyển hàng đúng giờ - Thời gian hoàn trả sản phẩm - Tổng thời gian chu kỳ chuỗi cung ứng.
		Khía cạnh môi trường	<p>Mức độ quản lý quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ tối ưu hóa quy trình để giảm chất thải - Mức độ kiểm soát ô nhiễm - Mức độ chất thải và khí thải - Lượng năng lượng tiêu thụ <p>Tính năng sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ vật liệu tái chế trong sản phẩm - Sự sẵn có của nhân sinh thái - Mức độ sử dụng thiết kế để lắp ráp <p>Hiệu quả tái chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tái chế - Lượng năng lượng tiêu thụ trong quá trình tái chế - Giảm chất thải <p>Công nghệ môi trường</p>

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
Đỗ Thị Bình,Trần	Ảnh hưởng của áp Áp lực	Khía cạnh xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ công nghệ sạch - Số lượng sản phẩm và quy trình mới <p>Cam kết quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ nỗ lực tạo động lực cho nhân viên - Sự sẵn có của hệ thống kiểm soát môi trường - Số lượng quản lý môi trường khả năng phán đoán - Mức độ nỗ lực nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sự bền vững <p>Sự hài lòng của khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự quan tâm của khách hàng đối với sản phẩm xanh - Sự hài lòng của khách hàng từ sản phẩm xanh <p>Phát triển nhân viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ hài lòng của nhân viên - Số lượng chương trình đào tạo xanh đặc biệt, - Số hội nghị/hội chợ liên quan đến SD
			Áp lực từ thị trường. yêu cầu của khách hàng và đối thủ cạnh tranh

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
Văn Trang (2021)	lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp dệt may	Chiến lược Hợp tác	Nỗ lực hợp tác với nhà phân phối, khách hàng và các yếu tố khác trong chuỗi cung ứng dệt may thông qua chiến lược xuất khẩu bền vững với môi trường của doanh nghiệp Tạo ra lợi thế cạnh tranh thông qua hợp tác trong chuỗi cung ứng dệt may của doanh nghiệp
Yuanhsu Lin (2014)	Implementation and Performance Evaluation of a Firm's Green Supply Chain Management under Uncertainty	Tài chính Khách hàng	Tăng trưởng hàng năm về sản phẩm xanh (dữ liệu 3 năm qua) Chi phí doanh thu: ở mức độ không đổi hoặc giảm dần qua từng năm Tỷ suất lợi nhuận: lợi nhuận trên tổng vốn sử dụng (dữ liệu 3 năm qua) Tăng trưởng từ các sản phẩm xanh mới mỗi năm (dữ liệu 3 năm qua) Dẫn đầu ngành: thị phần xanh Tỷ lệ giữ chân khách hàng/tỷ lệ tăng trưởng với khách hàng hiện tại Thu hút khách hàng: số lượng khách hàng xanh mới/tổng doanh thu từ khách hàng xanh mới (dữ liệu 3 năm qua) Sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm xanh Lợi nhuận của khách hàng/nhà cung cấp đối với các sản phẩm xanh

Tác giả	Bài viết	Tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa của chuỗi cung ứng	Giải thích/ Cụ thể
			Chất lượng dịch vụ: tỷ lệ khiếu nại của khách hàng/nhà cung cấp
	Hoạt động nội bộ		Hỗ trợ quản lý cấp cao về các vấn đề xanh Năng lực/thiết kế/sản xuất mua hàng xanh Đánh giá vòng đời Hệ thống quản lý môi trường Kế hoạch sản xuất xanh nội bộ
	Học tập và phát triển		Việc giảm các vật liệu nguy hiểm trong quá trình sản xuất; Năng lực/thiết kế/sản xuất mua hàng xanh Năng lực của nhân viên Tỷ lệ giới thiệu sản phẩm xanh mới mỗi năm (dữ liệu 3 năm qua)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

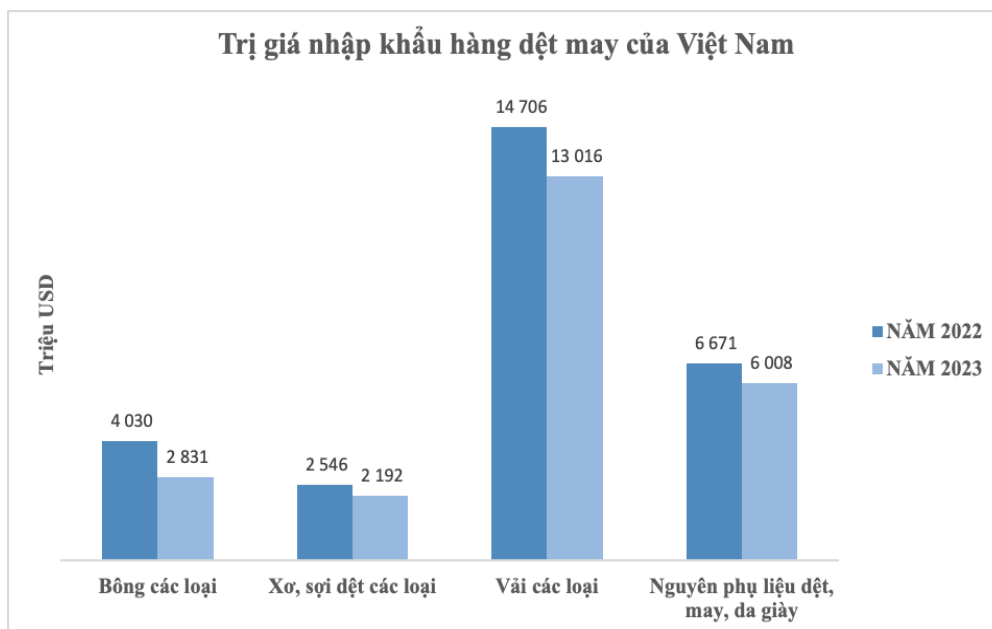
Như vậy, tuy đã có nhiều nghiên cứu trình bày về thực hành xanh hóa trong chuỗi cung ứng nhưng cho đến thời điểm hiện tại chưa có nghiên cứu nào xác định được các tiêu chí đánh giá mức độ thực hành xanh hóa trong toàn bộ hệ thống chuỗi cung ứng dệt may thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hay chỉ rõ mức độ ảnh hưởng lẫn nhau của chúng để tìm ra vai trò của chúng trong hệ thống. Nghiên cứu này lấp đầy khoảng trống này bằng cách trình bày các tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa trong chuỗi cung ứng dệt may.

3. Khái quát thực trạng chuỗi cung ứng ngành dệt may

Ngành dệt may hiện tại đang là một trong những ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội nước nhà. Trong những năm qua, ngành dệt may đã có sự phát triển đáng kể đóng góp sự tăng trưởng kinh tế, trở thành ngành có kim ngạch xuất khẩu cao và có mặt hàng xuất khẩu chủ lực, chiếm 12 – 16% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

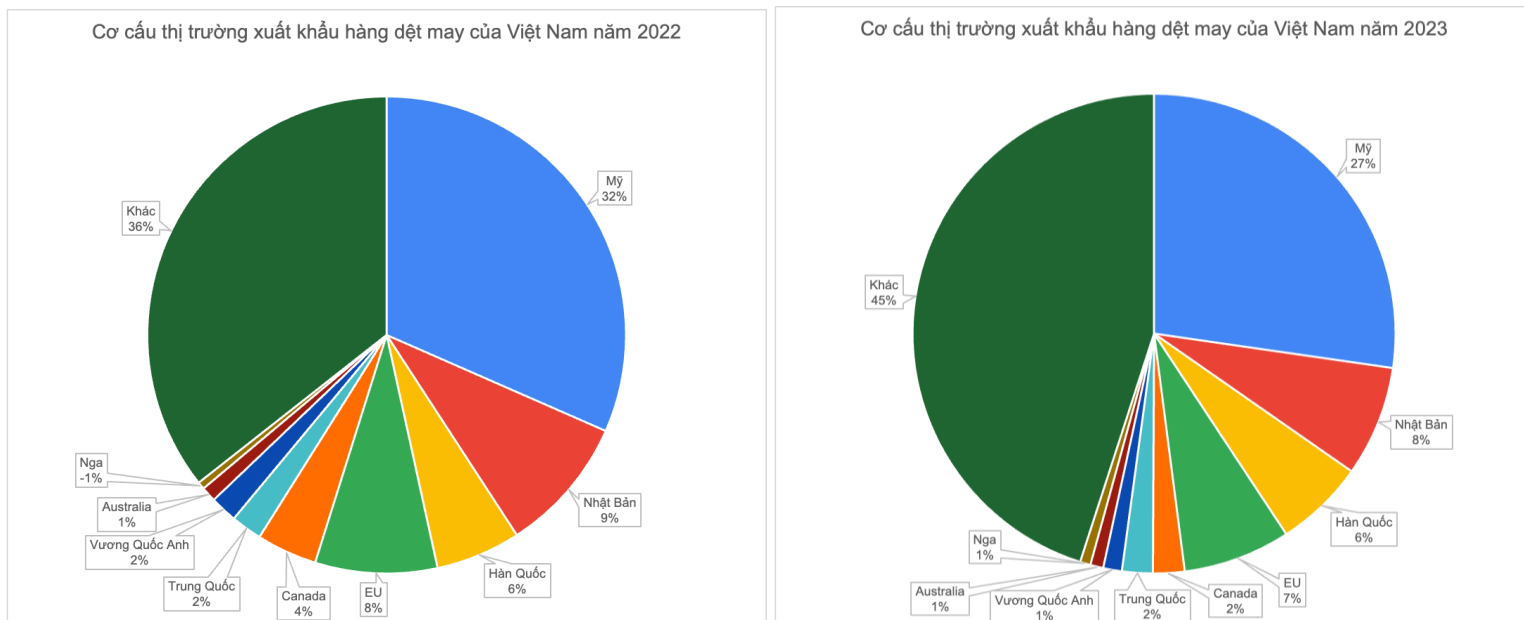
Thị trường dệt may Việt Nam chứng kiến cơn lạn phát mạnh mẽ vào cuối năm 2022 khi sức mua giảm mạnh, các đơn hàng đến quý IV của năm 2022 giảm đến 30%, có doanh nghiệp còn thâm hụt 70% ở thị trường châu Âu. Lạm phát cao dẫn đến người dân phải cắt giảm chi tiêu, trong đó may mặc cũng không phải ngoại lệ.

Những tháng đầu năm 2023 tiếp tục chứng kiến sự ảm đạm với ngành dệt may của Việt Nam. Theo báo cáo mới nhất của VIRAC, quý I năm 2023 sản lượng quần áo mà các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất giảm 10% do với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ ước tính giảm 1,3% so với cùng kỳ 2022. Những nguyên nhân khiến cho ngành dệt may Việt Nam mặc dù chiếm lượng lao động lớn nhưng giá trị gia tăng còn thấp đó là việc doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn ngại đầu tư các trang thiết bị hiện đại, phương thức cắt may thuê gia công thuần túy, khẩu chiếm giá trị gia tăng rất thấp. Độ tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng còn hạn chế, dẫn đến thiếu nguyên liệu trầm trọng, đặc biệt sau dịch Covid, điều đó khiến cho khả năng cạnh tranh trong bối cảnh mới của ngành này bị giảm.



Hình 2: Trị giá nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam

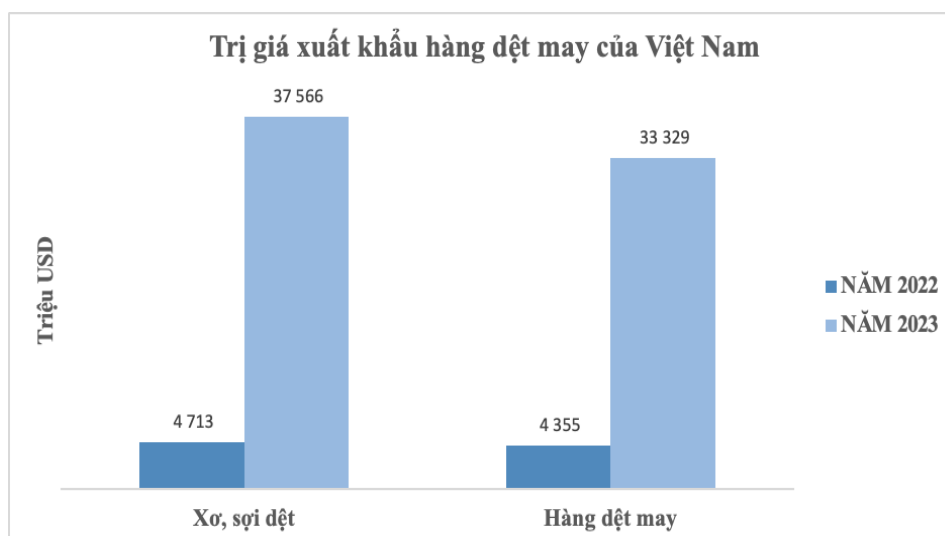
Nguồn: Tổng cục thống kê



Hình 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam năm 2022 và năm 2023

Nguồn: Trung tâm Thông tin Thương mại và Công nghiệp

Về giá trị xuất khẩu, hiện tại đây là một điểm mạnh của ngành dệt may Việt Nam. Trong khi kim ngạch xuất khẩu của năm 2022 đạt 44,4 tỷ USD, tăng xấp xỉ 10% so với cùng kỳ 2021 thì đến năm 2023, những thách thức từ tình hình kinh tế thế giới và trong nước như lạm phát xuất hiện ở các thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu, sức mua giảm mạnh, chênh lệch tỷ giá và lãi suất cao đã đặt ra nhiều khó khăn cho quá trình xuất khẩu của ngành dệt may. Tuy nhiên nhờ sự nỗ lực trong việc đẩy mạnh xuất khẩu ở các thị trường như: Nhật Bản, Australia, Nga, Ấn Độ,..., mở rộng sang một số thị trường mới như Châu Phi hay Trung Đông. Nhờ đó, xuất khẩu năm 2023 vẫn đạt được 40,3 tỷ USD, mục tiêu ngành dệt may đặt ra là sẽ đạt kim ngạch xuất khẩu 44 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2023 này.



Hình 4: Trị giá xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam

Nguồn: Tổng cục thống kê

Để vượt qua những khó khăn trước mắt ở những giá trị trong nước và xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam, biện pháp hiệu quả nhất chính là phát triển và đầu tư “ xanh hoá” nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh và nâng cao giá trị của chuỗi. Ở những thị trường chủ lực xuất khẩu mà ngành dệt may Việt Nam hướng tới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...đang đề ra yêu cầu về “ xanh hoá” và phát triển bền vững từ nhà cung cấp của họ bên cạnh yếu tố khác. Muốn đáp ứng được những yêu cầu đó, ngành dệt may của nước nhà cần nhanh chóng đầu tư và phát triển con đường “ xanh hoá” bằng cách tìm kiếm, phát triển nguồn nguyên liệu có nguồn gốc từ tự nhiên, tập trung khai thác nguồn phụ liệu trong nước theo xu hướng tuần hoàn và xanh, nhằm thoả mãn được các tiêu chí khắt khe về nguồn gốc xuất xứ.

Từ phát triển nhanh chuyển hướng sang phát triển bền vững, kinh doanh tuần hoàn đang là mục tiêu được Hiệp hội dệt may Việt Nam đề ra từ nay đến 2030. Giai đoạn sau đó Việt Nam dự kiến sẽ cải thiện lại chuỗi giá trị trong nước để đạt được vị trí cao hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Các hoạt động bền vững đó không chỉ là trách nhiệm đối với doanh nghiệp mà còn là sự ủng hộ và thực thi của toàn ngành như việc thực hiện đúng cam kết của Chính phủ Việt Nam tại COP26, giảm số lượng chất thải rò rỉ tối đa vào năm 2050 bằng không.

Một số những thành tựu của doanh nghiệp Việt Nam trên hành trình phủ xanh sản xuất phải kể đến việc đầu tư vào các nguồn năng lượng mang tính tái tạo như năng lượng mặt trời áp mái, tiết kiệm điện và khí đốt bằng cách sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng,... Có một số doanh nghiệp tiêu biểu như May10 còn dành nguồn chi phí lớn đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, số hoá công nghệ , giảm thời gian giao hàng, từ đó áp dụng những thay đổi đó để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường nội địa và quốc tế.

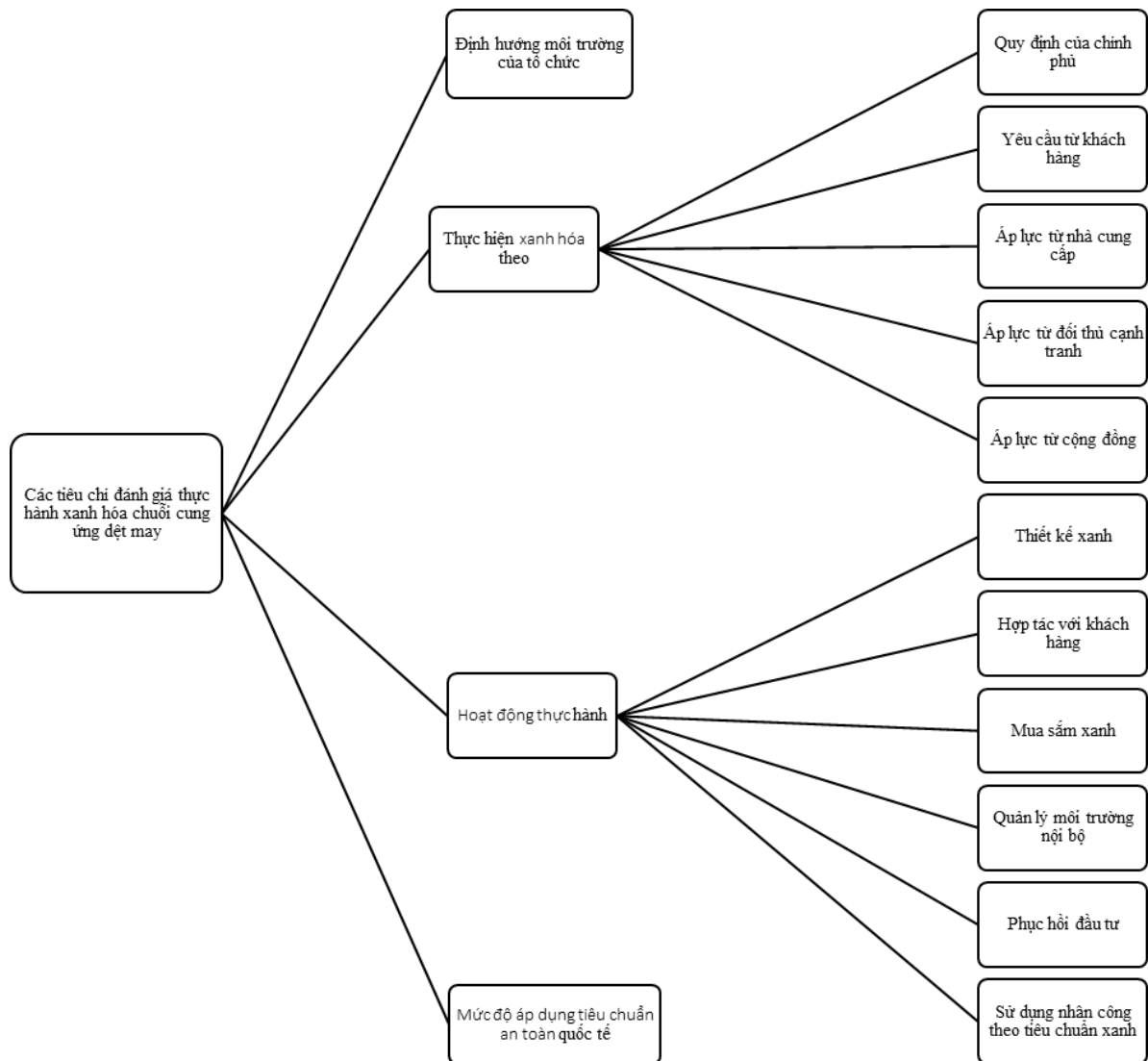
Những đơn vị cung ứng xanh cũng đang là sự lựa chọn hàng đầu cho các doanh nghiệp Việt Nam khi lựa chọn nguyên liệu. Bởi lẽ, trong quá trình thực hành “ xanh hoá” nguồn nguyên liệu tái chế và có thể tái sử dụng là một trong những giải pháp giúp cho quá trình sản xuất xanh được diễn ra nhanh hơn. Các loại sợi tơ sen, cà phê, sợi tre,... đang được nghiên cứu để đáp ứng với tiêu chí thân thiện môi trường và nhu cầu xanh hoá của ngành dệt may.

Tuy nhiên, vấn đề về kỹ thuật cũng như khả năng tài chính vẫn còn hạn chế vẫn là những nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động xanh hóa này.

4. Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá mức độ xanh hóa trong chuỗi cung ứng dệt may Việt Nam

Trong quá trình tìm hiểu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước, nhóm nghiên cứu quyết định áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP (analytic hierarchy process) trong việc xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá. Từ các tiêu chí được xác định từ các nghiên cứu đi trước lần lượt xác định giá trị và vai trò của các thành tố ảnh hưởng việc thực hành xanh hóa chuỗi cung ứng dệt may.

Trên cơ sở bối cảnh thực trạng ngành dệt may Việt Nam, nhóm có đưa ra các tiêu chí được mô hình hóa trên hình 5 như sau:



Hình 5: Mô hình hóa các tiêu chí đánh giá thực hành xanh hóa chuỗi cung ứng dệt may Việt Nam

Nguồn: Agarwal cùng các cộng sự (2018); Kirchoff cùng các cộng sự (2016) và Nhóm tác giả tổng hợp

Cụ thể:

Nhóm nghiên cứu đã tham khảo nhóm tiêu chí định hướng môi trường của tổ chức được nghiên cứu bởi Kirchoff và các cộng sự của mình (2016) kết hợp với hiện trạng đào tạo của doanh nghiệp Việt Nam để đề xuất các tiêu chí cụ thể cho định hướng xanh hóa của tổ chức như hình dưới:

Tiêu chí cụ thể cho định hướng xanh hóa của tổ chức	
1	Đào tạo và truyền đạt thông tin đến nhân viên về hoạt động bền vững, thân thiện với môi trường
2	Tiếp nhận và xử lý tích cực với các phản hồi của khách hàng đối với các hoạt động xanh của doanh nghiệp
3	Giữa các bộ phận trong doanh nghiệp có sự kết hợp với nhau cùng thực hiện chiến lược trọng tâm là chiến lược thân thiện với môi trường
4	Đảm bảo nguồn nhân lực của công ty hiểu được trách nhiệm cụ thể đối với môi trường và lợi ích của việc xanh hóa
5	Toàn bộ doanh nghiệp chung tay xây dựng hình ảnh tích cực về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường

Hình 6: Tiêu chí cụ thể cho định hướng xanh hóa của tổ chức

Nguồn: Nhóm tác giả

Tiếp theo, các chỉ tiêu xác định áp lực xanh hóa do Agarwal cùng các cộng sự (2018) công bố đã đề cập đến các yếu tố áp lực từ luật pháp, khách hàng, cộng đồng và nhà cung cấp. Trên cơ sở đó, nhóm đề xuất các tiêu chí cụ thể cho thực hiện xanh hóa theo yêu cầu của doanh nghiệp dệt may Việt Nam như bảng bên dưới:

Tiêu chí cụ thể cho thực hiện xanh hóa theo yêu cầu	
1	Thực hiện theo quy định về môi trường của pháp luật, chính phủ, địa phương
2	Thực hiện theo yêu cầu về môi trường từ khách hàng trong nước, ngoài nước
3	Thực hiện theo áp lực từ cộng đồng và cạnh tranh với đối thủ, xây dựng hình ảnh doanh nghiệp hoạt động xanh, áp lực từ truyền thông đại chúng xung quanh
4	Thực hiện theo yêu cầu từ nhà cung cấp về các tiêu chí xanh mà sản phẩm cần đạt được, phát triển hàng hoá thân thiện với môi trường và bền vững.

Hình 7: Tiêu chí cụ thể cho thực hiện xanh hóa theo yêu cầu

Nguồn: Nhóm tác giả

Đối với các hoạt động thực hành của doanh nghiệp, nhóm đề xuất đánh giá trên các tiêu chí : Thiết kế xanh (TK), Mua sắm xanh (MS), Quản lý vật liệu xanh (VL), Quản lý môi trường nội bộ (MT), Phục hồi đầu tư – Logistics ngược (PH), Sử dụng nhân công theo tiêu chuẩn xanh (NC)

Tiêu chí cụ thể cho hoạt động thực hành xanh hóa	
Thiết kế xanh	
TK1	Nghiên cứu thiết kế ra những sản phẩm từ chất liệu có khả năng giảm tiêu thụ vật liệu hoặc năng lượng
TK2	Thiết kế các sản phẩm đảm bảo độ bền, có khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi bộ phận thành phần
TK3	Thiết kế giảm sử dụng vật liệu có hại trong sản phẩm
TK4	Tối ưu hóa quy trình để giảm phát thải khí hại và tiếng ồn
TK5	Tối ưu hóa quy trình để giảm phát thải hóa chất và nước thải chưa qua xử lý
TK6	Dán nhãn sinh thái cho sản phẩm
Mua sắm xanh	
MS1	Thực hành theo hướng thân thiện với môi trường các phương thức giao nhận hàng hóa, dịch vụ với nhà cung cấp
MS2	Mua sắm các vật liệu thân thiện với môi trường
MS3	Đánh giá các nhà cung cấp dựa trên các tiêu chí môi trường cụ thể
MS4	Làm việc với những nhà cung cấp có chứng nhận môi trường như ISO 14001
Quản lý vật liệu xanh	
VL1	Hợp tác với các nhà cung cấp để đạt được mục tiêu môi trường
VL2	Nhấn mạnh vào việc mua vật liệu thân thiện với môi trường
VL3	Đánh giá các nhà cung cấp theo những tiêu chí môi trường cụ thể
VL4	Làm việc với các nhà cung cấp có chứng nhận môi trường như ISO 14001
VL5	Thiết lập quan hệ đối tác với các nhà cung cấp cam kết giải pháp môi trường và/hoặc phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường
VL6	Thu hoạch, quản lý và lưu trữ sợi để giảm thiểu chất thải, ô nhiễm và hư hỏng

Quản lý môi trường nội bộ	
MT1	Các nhà quản lý cấp cao cam kết quản lý chuỗi cung ứng xanh
MT2	Đề cao hợp tác đa chức năng giữa các phòng ban để cải thiện môi trường
MT3	Đề cao việc tuân thủ các quy định cũng như chương trình kiểm toán môi trường
MT4	Có kế hoạch ngăn ngừa ô nhiễm
MT5	Thành lập một hệ thống theo dõi các điều luật và quy định về môi trường
Phục hồi đầu tư - Logistics ngược	
PH1	Thực hiện bán hàng tồn kho hoặc vật liệu dư thừa
PH2	Thực hiện bán phế liệu và vật liệu đã qua sử dụng
PH3	Xây dựng hệ thống tái chế các sản phẩm bị lỗi đã qua sử dụng Không đốt hoặc chôn lấp quần áo không bán được
Sử dụng nhân công theo tiêu chuẩn xanh	
NC1	Cung cấp lương, lợi ích và chính sách phù hợp với luật pháp, giờ làm việc phù hợp với luật quốc gia, tiêu chuẩn ngành chuẩn hoặc có liên quan đến tiêu chuẩn quốc tế
NC2	Bảo vệ quyền tự do và công nhận hiệu quả quyền sinh hoạt tập thể, đảm bảo sức khỏe và an toàn của lao động
NC3	Không lạm dụng lao động trẻ em theo ILO, lao động cưỡng bức, hành vi phân biệt đối xử hoặc làm suy yếu sự bình đẳng về cơ hội, điều kiện làm việc

Hình 8: Tiêu chí cụ thể cho hoạt động thực hành xanh hóa

Nguồn: Nhóm tác giả

Cuối cùng, trên cơ sở các bộ tiêu chuẩn đã được ban hành trong ngành dệt may trên thế giới về vấn đề vật liệu, quy trình sản xuất và nhân sinh thái, nhóm đề xuất nên có các tiêu chí đánh giá như bảng dưới :

Tiêu chí cụ thể cho mức độ áp dụng an toàn quốc tế	
1	Thực hiện theo tiêu chuẩn các sáng kiến vật liệu bền vững như GRS, BCI, C2C,...
2	Thực hiện theo tiêu chuẩn quy trình sản xuất ngành dệt may như Higg Index, Bluesign Approved, Global Organic Textile Standard (GOTS), Oeko-Tex,..
3	Thực hiện theo tiêu chuẩn nhân sinh thái trên sản phẩm như bluesign PRODUCTS, EU Ecolabel, FAIRTRADE,...

Hình 9: Tiêu chí cụ thể cho mức độ áp dụng an toàn quốc tế

Nguồn: Nhóm tác giả

5. Kết luận

Xanh hoá sản xuất trong ngành dệt may Việt Nam khá đa dạng và đã được doanh nghiệp chuyển đổi phù hợp với bối cảnh riêng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập trong việc đánh giá chính xác được những tiềm lực đang có, mức độ thực hành xanh thực sự của doanh nghiệp mình đã cản trở doanh nghiệp hướng đến đích hoạt động bền vững, phát triển mà vẫn thân thiện với môi trường.

Chính vì vậy, bộ tiêu chí được nhóm đề xuất có thể phần nào đóng góp vào khoảng trống này để giúp doanh nghiệp dệt may nói riêng và ngành dệt may Việt Nam nói chung có thể phát triển hơn nữa trong quá trình xanh hóa chuỗi cung ứng. Quá trình này cũng rất cần có sự hợp tác, đầu tư và cải thiện không ngừng giữa doanh nghiệp và Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Anh

Agarwal M., McClain M, Koch BA, Jin H, Jaspersen SL, Yu HG & Fan J(2018). “Dynamical behaviours of food-chain model with stage structure and time delays”, *Advances in Difference Equations*.

Cazeri, G. & Anholon, R. & Quelhas, O. & Cooper, R. & Novaski, O. (2017). “PERFORMANCE MEASUREMENT OF GREEN SUPPLY CHAIN MANAGEMENT: A LITERATURE REVIEW AND GAPS FOR FURTHER RESEARCH”, *Brazilian Journal of Operations & Production Management*.

Elham F., Zulkiflle L., Shahryar S. (2013). "Modeling for Green Supply Chain Evaluation", *Mathematical Problems in Engineering*, Vol. 2013.

Hervani, A.A., Helms, M.M. & Sarkis, J. (2005). "Performance measurement for green supply chain management", *Benchmarking: An International Journal*, Vol. 12 No. 4, pp. 330-353.

Kalpande, S.D. & Toke, L.K. (2021). "Assessment of green supply chain management practices, performance, pressure and barriers amongst Indian manufacturer to achieve sustainable development", *International Journal of Productivity and Performance Management*, Vol. 70 No. 8, pp. 2237-2257.

Kirchoff, D., Mollenkopf, A. & Wendy L. (2016). “The impact of strategic organizational orientations on green supply chain management and firm performance”, *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*.

Lin, Y., Tseng, M. & Chiu, A. & Wang, R. (2014). “Implementation and Performance Evaluation of a Firm's Green Supply Chain Management under Uncertainty”, *Industrial Engineering and Management Systems*, Vol. 13.

Sellitto, M., Borchardt, M., Pereira, G. & Silva, R. (2013). *Greening the supply chain: A model for green performance assessment*, 22nd International Conference on Production Research, ICPR 2013.

Sumeet G., Sachin K., Pradeep K. & Dinesh K. (2015). “Evaluating factors in implementation of successful green supply chain management using DEMATEL: A case study”, *International Strategic Management Review*, Vol. 3 No. 1–2, pp. 96-109.

Tài liệu Tiếng Việt

Bảy, D., Hiếu, N. & Trung, N. (2017). “Tác động của các yếu tố nội tại doanh nghiệp đến quản lý chuỗi cung ứng xanh”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Available at: [https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai20bao/2017/So%20237\(II\)/375751.pdf](https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai20bao/2017/So%20237(II)/375751.pdf)

Bình, Đ. & Trang, T. (2021). “Ảnh hưởng của áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp dệt may”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Available at: <https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2021/So%20288/380489.pdf>

Đạt, L., Phượng, B., Thu, N. & Anh, T. (2017). “Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp để lựa chọn và phân nhóm nhà cung cấp xanh”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 33, pp. 43-54.

Lợi, T. (2022). “Thực hành xanh hoá chuỗi cung ứng thủy sản xuất khẩu tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số 301, Available at: <https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2022/So%20301%20tap%202/380695.pdf>

Hằng, T. (2022). “Mối quan hệ giữa quản lý chuỗi cung ứng xanh và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số 303 (II) Tháng 9/2022.